TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 3** **TỈNH QUẢNG TRỊ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 31/2026/HNGĐ-ST
Ngày: 06 - 5 - 2026
V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3, TỈNH QUẢNG TRỊ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Anh Đức

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Thắng và ông Trần Quang Lâm.

- Thư ký phiên toà: Ông Hoàng Tùng - Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 3, tỉnh Quảng Trị.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 3, tỉnh Quảng Trị tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Giang - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 5 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 3, tỉnh Quảng Trị xét xử công khai vụ án hôn nhân gia đình sơ thẩm thụ lý số 118/2025/TLST-HNGĐ ngày 03/11/2025, về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 19/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 03 tháng 4 năm 2026, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Anh Nguyễn Hữu P, sinh ngày 15/5/1993; địa chỉ: Số G N, tổ dân phố M, phường B, tỉnh Quảng Trị. Có mặt.

- *Bị đơn:* Chị Lê Thị H, sinh ngày 01/9/2000; hộ khẩu thường trú trước khi xuất cảnh: Số G N, tổ dân phố M, phường B, tỉnh Quảng Trị; chỗ ở hiện nay: Vương quốc Anh. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và trong quá trình tố tụng, nguyên đơn anh Nguyễn Hữu P trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị Lê Thị H kết hôn tự nguyện, có đăng ký tại UBND phường Q, thị xã B, tỉnh Quảng Bình (cũ); nay là phường B, tỉnh Quảng Trị vào ngày 03 tháng 10 năm 2018. Thời gian đầu anh chị sống hạnh phúc, sau đó phát

sinh mâu thuẫn; nguyên nhân do bất đồng quan điểm, năm 2023 chị H đi nước ngoài cư trú và đề nghị ly hôn với anh P. Mặc dù bản thân anh chị đã nhiều lần chuyện trò để hàn gắn tình cảm và hai bên gia đình cũng nhiều lần cố gắng động viên nhưng không có kết quả. Xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên anh P yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với chị H.

Về con chung: Anh và chị H có hai con chung là Nguyễn Lê Chí D, sinh ngày 12/11/2017 và Nguyễn Lê Tú A, sinh ngày 07/9/2020; các cháu hiện đang sống cùng với anh P; anh P nguyện vọng sau khi ly hôn sẽ trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng các cháu, yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con số tiền 5.000.000 đồng/tháng/cháu cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung và nợ chung: Anh P không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với bị đơn chị Lê Thị H: Chị Lê Thị Hoàng H1 không có mặt ở địa phương; Kết quả xác minh tại Phòng Q, Công an tỉnh Q thể hiện: chị Lê Thị H, sinh ngày 16/12/2025 đã xuất cảnh ngày 08/6/2023 qua Sân bay quốc tế Nội Bài, chưa có thông tin nhập cảnh.

Tại Biên bản lấy lời khai ngày 26/11/2025 ông Lê Văn T (là bố đẻ của chị Lê Thị H) trình bày: Ông là bố ruột của chị H, ông đã nhận được Thông báo thụ lý vụ án số 118/TB-TLVA ngày 03/11/2025 của TAND Khu vực 3, tỉnh Quảng Trị. Chị H hiện đang ở V, thường xuyên liên lạc về gia đình, ông cam kết sẽ gửi Thông báo thụ lý vụ án cho con gái ông được biết. Chị H và anh P có hai người con chung, các cháu hiện đang ở với bố. Việc hôn nhân giữa anh P và chị H ông không can thiệp được, tuy nhiên là người làm bố, ông mong muốn các con hàn gắn tình cảm.

Tại phiên toà:

- Chị Lê Thị H vắng mặt không có lý do, anh Nguyễn Hữu P thay đổi mức yêu cấp dưỡng nuôi con chung từ 5.000.000 đồng/tháng/cháu xuống 3.000.000 đồng/tháng/cháu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 3, tỉnh Quảng Trị phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: Quá trình giải quyết, xét xử vụ án cũng như tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật, có vi phạm về thời hạn mở phiên tòa sớm hơn thời gian tối thiểu theo quy định nhưng không làm ảnh hưởng đến quyền, lợi ích của đương sự; nguyên đơn đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của mình, bị đơn không thực hiện nghĩa vụ của mình quy định tại các Điều 70 và 72 Bộ luật Tố tụng Dân sự. Việc thu thập chứng cứ đảm bảo đúng quy định, đảm bảo quyền lợi của các đương sự. Tại phiên tòa, nguyên đơn vắng mặt không có lý do, đây là phiên tòa lần thứ 2 nên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 2 Điều 227, Điều 228 và Điều 477 Bộ luật Tố tụng Dân sự xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 51, 56, 57, 81, 82, 83, 123 và Điều 127 Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của

nguyên đơn, xử cho anh P được ly hôn với chị H. Giao các cháu Nguyễn Lê Chí D, sinh ngày 12/11/2017 và Nguyễn Lê Tú A, sinh ngày 07/9/2020 cho anh P chăm sóc, nuôi dưỡng; chị H có trách nhiệm cấp dưỡng tiền nuôi con 3.000.000 đồng/tháng/cháu cho đến khi các cháu lần lượt đủ 18 tuổi. Về tài sản chung, nợ chung: anh P không yêu cầu giải quyết nên không xem xét. Về chi phí tố tụng: đề nghị Hội đồng xét xử buộc anh P phải chịu toàn bộ chi phí tố tụng theo quy định. Về án phí: Căn cứ Điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự; điểm a khoản 5 và điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội, quy định về "mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án", buộc anh P chịu án phí ly hôn và chị H chịu án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến của kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Bị đơn chị Lê Thị H có hộ khẩu thường trú trước khi xuất cảnh tại tổ dân phố M, phường B, tỉnh Quảng Trị; chỗ ở hiện nay tại Vương quốc Anh nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án Khu vực 3, tỉnh Quảng Trị theo quy định tại khoản 1 Điều 28; Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; điểm d khoản 1 Điều 469 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết số 81/2025/UBTVQH15 ngày 27 tháng 6 năm 2025 về thành lập Tòa án nhân dân cấp tỉnh, Tòa án nhân dân khu vực.

Việc tống đạt các văn bản tố tụng cho bị đơn: Theo thông tin nguyên đơn cung cấp, quá trình xác minh của Tòa án, bị đơn chị Lê Thị H đã xuất cảnh sang Vương quốc Anh làm việc. Tòa án nhân dân Khu vực 3, tỉnh Quảng Trị đã tiến hành tống đạt các văn bản tố tụng của Tòa án theo phương thức niêm yết và đăng tin trên hệ thống phát thanh dành cho người nước ngoài VOV5 Đài Tiếng nói Việt Nam theo quy định tại các khoản 3, 4 Điều 173; các khoản 1, 3 Điều 474 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Toà án triệu tập hợp lệ chị Lê Thị H lần thứ hai đến Toà án để tham gia phiên toà nhưng chị H vẫn vắng mặt không có lý do; căn cứ các Điều 227 và 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về hôn nhân: Anh Nguyễn Hữu P và chị Lê Thị H kết hôn tự nguyện có đăng ký, không vi phạm các điều cấm của Luật Hôn nhân và gia đình nên hôn nhân hợp pháp. Quá trình giải quyết vụ án, anh P thừa nhận cuộc sống chung trong thời kỳ hôn nhân xảy ra nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm, năm 2023 chị H đi nước ngoài cư trú và đề nghị ly hôn với anh P. Mặc dù bản thân anh chị đã nhiều

lần chuyện trò để hàn gắn tình cảm và hai bên gia đình cũng nhiều lần cố gắng động viên nhưng không có kết quả. Xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên anh P yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với chị H. Xét mâu thuẫn giữa anh P và chị H bắt nguồn từ việc vợ chồng chung sống xảy ra nhiều mâu thuẫn, không hạnh phúc, không còn quan tâm đến nhau, chứng tỏ cuộc sống hôn nhân không còn tồn tại, mục đích hôn nhân không đạt được. Quá trình giải quyết vụ án, Toà án đã thực hiện các biện pháp tống đạt nhưng chị H vắng mặt, không thể hiện có ý kiến gì đối với yêu cầu ly hôn của anh P, không có bất cứ động thái hay biện pháp nào để níu kéo, cứu vãn cuộc hôn nhân. Hội đồng xét xử xét thấy cần cho ly hôn để hai bên sớm ổn định cuộc sống. Căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình, chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh P.

[2.2] Về con chung: Anh P và chị H có hai con chung là Nguyễn Lê Chí D, sinh ngày 12/11/2017 và Nguyễn Lê Tú A, sinh ngày 07/9/2020. Anh P có nguyện vọng được nuôi cả hai con sau khi ly hôn, yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi số tiền 3.000.000 đồng/tháng/cháu cho đến khi các cháu lần lượt tròn 18 tuổi.

Xét yêu cầu nuôi con chung của anh P: Hội đồng xét xử xét thấy các cháu hiện đang ở với anh P và đều có nguyện vọng được ở với bố khi bố mẹ ly hôn. Chị H đang lao động tại Vương quốc Anh nên không trực tiếp nuôi con được. Mặt khác chị H cũng không có ý kiến hay yêu cầu gì về việc nuôi con. Để không bị xáo trộn cuộc sống và đảm bảo sự phát triển ổn định về mọi mặt cũng như theo nguyện vọng của các cháu nên cần chấp nhận yêu cầu của anh P, giao cả hai cháu cho anh P trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng là phù hợp.

Xét yêu cầu cấp dưỡng nuôi con: Nghĩa vụ nuôi con chung là thuộc về cha mẹ, tại khoản 2 Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình quy định: "Cha mẹ không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con". Mặt khác, hiện nay các cháu đang ở độ tuổi đi học, để được học tập và phát triển bình thường cũng như nhu cầu thiết yếu của các cháu thì yêu cầu của anh P buộc chị H có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung là có căn cứ và phù hợp quy định pháp luật. Theo quy định tại khoản 2 Điều 7 Nghị quyết 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng thẩm phán Toà án nhân dân Tối cao quy định "…Mức cấp dưỡng do Tòa án quyết định nhưng không thấp hơn một nửa tháng lương tối thiểu vùng tại nơi người cấp dưỡng đang cư trú cho mỗi tháng đối với mỗi người con". Quá trình giải quyết vụ án, xác định chị H xuất khẩu lao động tại nước ngoài, không có bảng lương để căn cứ thu nhập nên không có cơ sở để chứng minh. Tuy nhiên mức anh P yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con với số tiền 3.000.000 đồng/tháng/cháu để cùng anh nuôi con là phù hợp với chi phí nuôi dưỡng, học tập tại địa phương. Căn cứ khoản 2 Điều 82, Điều 107, Điều 110, Điều 116, Điều 117 Luật Hôn nhân và gia đình, buộc chị H phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh P, mức cấp dưỡng với số tiền 3.000.000 đồng/tháng/cháu.

[2.3] Về tài sản và nợ chung: Anh P không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

[3] Về án phí: Anh P chịu án phí ly hôn, chị H chịu án phí cấp dưỡng nuôi con.

[4] Về chi phí tố tụng: Anh Phi chịu toàn bộ chi phí đăng tin trên Kênh VOV5 Đài Tiếng nói Việt Nam.

[5] Quan điểm giải quyết vụ án của Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là phù hợp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

Các Điều 51; 56; 57; 81; 82; 83, 84; 110; 116; 117; 118; 123; 127 Luật Hôn nhân và gia đình;

Các Điều 28; 35; 39; 147; 180; 227; 228; 469; 474; 477 và 479 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Điều 6; Điểm a khoản 1 Điều 24; Điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

1.1. Về hôn nhân: Xử cho anh Nguyễn Hữu P được ly hôn chị Lê Thị H.

1.2. Về con chung và cấp dưỡng nuôi con: Giao các cháu Nguyễn Lê Chí D, sinh ngày 12/11/2017 và Nguyễn Lê Tú A, sinh ngày 07/9/2020 cho anh Nguyễn Hữu P chăm sóc, nuôi dưỡng đến khi con chung tròn 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi theo quy định pháp luật. Chị Lê Thị H có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh Nguyễn Hữu P với số tiền 3.000.000 đồng/tháng/cháu, thời gian cấp dưỡng từ tháng 5 năm 2026 đến khi các cháu lần lượt đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi theo quy định của pháp luật.

Sau khi ly hôn, chị H có quyền qua lại thăm con; anh P và các thành viên trong gia đình không được cản trở chị H trong việc thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung; khi cần thiết anh hoặc chị có quyền thay đổi người nuôi con và cấp dưỡng nuôi con.

1.3. Về tài sản và nợ chung: Anh Nguyễn Hữu P không yêu cầu nên không giải quyết.

2. Án phí sơ thẩm: Anh Nguyễn Hữu P chịu 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* án phí ly hôn, nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Toà án số 0001420 ngày 28/10/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Trị. Xác nhận anh P đã nộp đủ. Chị Lê Thị Hoàng C nộp 300.000 đồng tiền án phí cấp dưỡng nuôi con để sung vào ngân sách Nhà nước.

3. Về chi phí tố tụng: Anh Nguyễn Hữu P chịu và nộp đủ 2.250.000 đồng chi phí uỷ thác tư pháp và đăng tin trên Kênh VOV5 Đài Tiếng nói Việt Nam.

4. Án sơ thẩm xử công khai, anh P có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; chị H có quyền kháng cáo Bản án này trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày bản án sơ thẩm được tống đạt hoặc niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

5. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

(Đã ký)

Phan Anh Đức

Nơi nhận:
-VKSND tỉnh Quảng trị;
- Các đương sự,
- THADS tỉnh Quảng Trị;
- UBND phường Bắc Gianh;
- Lưu hồ sơ, Lưu án văn.